

THỜI CƠ THÁNG TÁM TRÊN BÌNH DIỆN QUỐC TẾ NĂM 1945

VŨ DƯƠNG NINH

Đến Cách mạng tháng Tám là phải bàn đến thời cơ cách mạng. Bài viết này phân tích những tình hình quốc tế năm 1945 để thấy rõ hơn vai trò của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc đoán định và nắm bắt đúng thời cơ tháng Tám, đưa cách mạng đến thành công.

Ngày 7-7-1937, phát xít Nhật gây vụ xung đột Lư Cầu Kiều, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Ngày 1-9-1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược châu Âu. Cả thế giới đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt bởi sức mạnh của khối Trục.

Ở Đông Nam Á, Việt Nam là địa bàn đầu tiên bị cuốn hút vào cơn lốc chiến tranh bởi cuộc tấn công của quân Nhật vào Lạng Sơn tháng 7-1940. Các nước khác thì phải đến sau vụ oanh tạc Trân Cảng (Hạ-oai) ngày 7-12-1941 thì Nhật mới lần lượt nhảy vào hất chân Mỹ khỏi Philippin, Hà Lan ở Indônêxia, Anh khỏi Ma Lai và Miến điện. Nhưng Việt Nam lại là nước cuối cùng bị Nhật áp ách thống trị độc quyền sau cuộc đảo chính Pháp ngày 9-3-1945. Vậy là có một khoảng thời gian 5 năm, Nhật và Pháp đã chung chấu gối trên chiếc giường đệm Đông Dương. Không phải vì nhu nhược mà Nhật không dám đuổi cò, cũng chẳng phải vì hai bên tâm đầu ý hợp gì trong việc thống trị. Ta nhớ lại, tháng 6-1940, nước Pháp thua trận, chính phủ Pétan thân Đức được dựng lên, toàn quyền Đơ-cu thay thế Catoru. Như thế, nước Pháp Pétan đứng về phía phát xít, đầu hàng được coi là đồng minh của Nhật. Nhưng đến tháng 9-1944, nước Pháp được giải phóng khỏi ách thống trị của Đức thì ở Đông Dương diễn ra cảnh "Đồng sàng dị mộng". Trong thế thua, lại càng phòng Pháp quật trở lại, Nhật tiến hành đảo chính. Từ đây, Nhật độc chiếm Đông Dương, Pháp không còn chỗ đứng. Vì thế, cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám đã giành chính quyền từ tay Nhật và đã tuyên bố độc lập. Câu viết trong Tuyên ngôn độc lập: "Sự thật là dân ta đã lấy lại nước ta từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp" ⁽¹⁾ là mang ý nghĩa đó. Đây là một lợi thế của thời cơ tháng Tám. Song lợi thế pháp lý ấy sẽ trở nên vô nghĩa nếu như cách mạng không có thực lực.

Hành động xâm lược của Nhật không dập tắt nổi ngọn lửa đấu tranh giành độc lập bấy lâu âm ỉ làm bùng lên cao trào chống Nhật cứu nước lan ra khắp nơi. Trong khoảng thời gian 1943, đã ra đời "Đồng minh dân chủ Philippin" cùng lực lượng vũ trang có tên là "Hukbalahap"; tiếp nhận dân Mã Lai chống Nhật" cùng các đơn vị Quân đội nhân dân. Đến tháng 9-1944

thành lập "Liên minh nhân dân tự do chống phát xít" cùng với Quân đội quốc gia Miến Điện.

Còn ở Việt Nam thì từ rất sớm, ngay sau khi chiến tranh bùng nổ tháng 11-1939, Đảng cộng sản đã nhanh chóng chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng. Sự chuyển hướng đó được hoàn chỉnh tại hội nghị trung ương lần thứ VIII tháng 5-1941, đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, thành lập Mặt trận Việt Minh và tổ chức các đơn vị du kích vũ trang. Lúc này, Đảng cộng sản đứng đầu là lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nhìn thấy sự thất bại của chủ nghĩa phát xít là không tránh khỏi, khả năng khởi nghĩa giành chính quyền đang đến gần, mọi hoạt động chính trị và quân sự đều phải chuẩn bị để nắm bắt thời cơ. Việc xuất hiện một số vùng giải phóng cùng sự thành lập Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là những sự kiện quan trọng đánh dấu bước trưởng thành của cách mạng và báo trước khả năng thắng lợi đang đến gần.

Như vậy, cùng với đà thắng lợi của Liên Xô và các lực lượng Đồng Minh, phong trào đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á trưởng thành nhanh chóng. Có thể nói trong những năm này, trên toàn hệ thống thuộc địa thế giới, chưa một nơi nào như ở Đông Nam Á, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ đến như vậy, phong trào cứu nước lại đạt đến đỉnh cao như vậy. Mà trong đó cách mạng Việt Nam với lực lượng quần chúng nhân dân đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản và đồng chí Hồ Chí Minh đã tạo nên những tiền đề cơ bản để nắm bắt đúng dịp thời cơ Tháng Tám.

3. Vấn đề đặt ra đối với những nhà yêu nước ở Đông Nam Á nửa đầu thập niên 40 là dựa vào lực lượng nào để giành độc lập? ỷ vào Nhật, trông chờ Đồng Minh hay dựa vào chính mình? Bài toán thời cuộc được giải đáp trong thực tế đấu tranh và Việt Nam đã tìm ra con đường đi của mình.

Cuộc tấn công của Nhật vào Đông Nam Á là cuộc chiến tranh xâm lược dã man. Các nước trong khu vực dưới ách thống trị của Nhật bị biến thành nguồn cung cấp lương thực và vật liệu cho chiến tranh. Hàng triệu người chết đói, tình trạng kiệt quệ tài nguyên là những chứng cứ về tội ác của Nhật đối với hàng trăm triệu nhân dân Đông Nam Á.

Nhưng mặt khác, sự xâm nhập của Nhật cũng tạo nên một ảo tưởng nào đó về "cường quốc vàng" duy nhất ở Á châu. Một bộ phận xã hội, thường là trí thức và tư sản nhiều nước hướng về thuyết "Đại Đông Á" với niềm hy vọng. Về khách quan, những người thân Nhật hồi đó có 2 loại. Một loại là những kẻ cam tâm bán nước, thay thầy đổi chủ, rắp tâm làm tay sai cho Nhật. Một số khác lòng yêu nước nhiệt thành nhưng lại trông chờ vào sức mạnh của Nhật đánh đuổi thực dân Âu Mỹ, giành độc lập cho đất nước. Nhất là từ năm 1943 khi Nhật bày trò trao trả độc lập thì nhiều chính khách nhảy lên sân khấu chính trị các nước bao gồm cả 2 loại trên. Trong chính phủ Ba Mau Nhật dựng lên ở Miến Điện, có nhiều người yêu nước chân thành như A-ung San, U Nu Tin Tin, Ne Uyn... ở Indônêxia, Xucacnô và Hata cũng hy vọng dựa vào Nhật để giải phóng khỏi ách Hà Lan. Trong chính phủ Trần Trọng Kim ở Việt Nam cũng có nhiều nhân sĩ yêu nước như Phan Anh, Trần Đình Thảo, Hoàng Xuân Hãn tham gia. Lúc đó, dẫu sao ảo tưởng vào Nhật và sự cộng tác với chúng cũng làm cho một số người lạc hướng đấu tranh và trong những giờ phút quyết định đã biến thành trở ngại đối với cách mạng.

hưng quần chúng nhân dân, những người trực tiếp chịu đựng ách phát xít lại không làm lần về này. Cuộc sống thực tế đã chỉ cho họ thấy phát xít Nhật chính là kẻ thù của nhân dân, là đối tượng đấu tranh không thể nhân nhượng. Với ý thức đó, nhân dân đã thúc đẩy cuộc đấu tranh tiến thu hút những người yêu nước về phía mình. Cho đến giai đoạn cuối của cuộc chiến, Aung Mye Thaw và những người yêu nước đã trở thành những người có uy tín trong Liên minh nhân dân tự do phát xít. Xucacnô và Hata từ Sài gòn bay về nước đầu tháng 8 mang theo lời hứa của viên Nhật tư lệnh khu vực Đông Nam Á sẽ trao trả độc lập cho Indônêxia vào ngày 24-8. Nhưng Nhật đầu hàng ngày 15. Phong trào kháng chiến chịu ảnh hưởng của những người cộng sản và tiến đã thúc giục Xucacnô tuyên bố độc lập ngay, không chờ đợi Nhật. Lúc đầu còn do dự, sau này ta đã chấp nhận đòi hỏi của nhân dân, đọc lời tuyên bố độc lập vào 10 giờ sáng ngày 17-8.

Việt Nam, chỉ thị của Đảng ngày 12-3-1945 sau khi Nhật đảo chính Pháp đã vạch rõ phát xít là kẻ thù số một của cách mạng. Mọi hoạt động đều nhằm vào việc chuẩn bị tích cực cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Trong khi đó, mặc dù đã đến đoạn chót của cuộc chiến, Nhật vẫn vạch hoạch "chuyển giao chính quyền" cho Bảo Đại: ngày 8-8 sẽ trả nốt Nam kỳ để sáp nhập vào hai Bắc và Trung, hoàn tất việc trả các chức vụ do người Nhật nắm cho chính quyền Huế vào ngày 21-8, hai ngày sau tổng khởi nghĩa ở Hà Nội, Bảo Đại còn gửi điện cho các nước thù quốc gia Mỹ, Anh, Pháp và Trung Hoa (Tướng Giới Thạch) đề nghị công nhận nền độc lập ông ta mới nhất được trong khi quân Nhật đầu hàng⁽²⁾. Nhưng Bảo Đại đã không kịp rồi. Cả nước vùng lên, chính phủ Trần Trọng Kim sụp đổ, một số người yêu nước sau này đi theo cách mạng. Lực lượng 10 vạn quân Nhật hoang mang cao độ, nhìn chung đều phải án binh bất động. Bảo Đại lâm trong tình thế đó buộc phải tuyên bố thoái vị, đánh dấu chấm hết cho nền quân chủ.

Tổng khởi nghĩa tháng Tám ở Việt Nam diễn ra dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương đã dẫn đến việc thành lập chính phủ lâm thời và tuyên bố độc lập vào ngày 12-10. Cái nền "độc lập" mà Nhật trao cho vua Si-sa-vong ngày 8-4 trước đây trở thành vô nghĩa. Còn ở Cam pu chia, sự kiện cách mạng chưa làm chủ được tình thế, Sơn Ngọc Thành cố giữ địa vị của mình. Đến khi trở lại thì con bài này bị loại bỏ.

Nhìn lại nét khái quát về tình hình Đông Nam Á thì thấy rằng, trong sự chỉ đạo cách mạng, cách nhận xét khái quát của Đảng ta đối với chủ nghĩa phát xít Nhật, xác định chúng là kẻ thù, không nước cờ, không chút ảo tưởng là một trong những yếu tố tư tưởng rất quan trọng làm cho ta nhìn được thời cơ và có hành động quyết định giành đúng thời cơ vào trung tuần tháng Tám. Chẳng hạn Nhật phải bó tay mà bề lu tay sai Nhật cũng phải tan rã, trừ được hậu họa sau này.

Khi cuộc chiến tranh đã chuyển hướng có lợi cho lực lượng Đồng Minh thì vận mệnh nhân dân địa phương đặt lên bàn các hội nghị ba cường quốc Anh-Mỹ-Liên Xô ở Têhêran (11-1943) và Yalta (2-1945). Các nước đế quốc đều nghĩ đến việc trở lại thuộc địa cũ. Quân Mỹ đổ bộ lên Manila với chính phủ Osmena thân Mỹ trong khi các lực lượng Hukbalahap còn phân tán trên quần đảo, chưa kịp làm chủ tình hình trong cả nước. Đế quốc Anh sớm tổ chức những đơn vị đặc biệt mật danh "lực lượng 136" từ Ấn độ và Xrilanca chuẩn bị trở về Mã Lai và Miến Điện. Họ lập sự cộng tác với quân đội nhân dân Mã Lai chống Nhật từ tháng 5-1943, thả dù tiếp tế vũ khí cho

quân du kích và chuẩn bị đổ bộ lên bán đảo Malaca. Đảng cộng sản Mã Lai, lực lượng nòng cốt trong cuộc kháng chiến đã chấp nhận sự hợp tác này nhưng không giành được một sự cam kết nào của Anh về chế độ chính trị ở Mã Lai sau khi Nhật rút lui. Vì thế, giữa tháng Tám, quân Anh vào Mã Lai không gặp sự kháng cự nào. Thế là ở Mã Lai và Miến Điện, thời cơ đã đến lực lượng khá mạnh nhưng không nổi dậy giành chính quyền vì những người lãnh đạo đã không phát động quần chúng có hành động quyết định trong những phút giây quyết định. Họ trông chờ vào quân Đồng Minh thì chất là mở cửa cho bọn thực dân cũ trở lại. Vua Campuchia khi đó là Nôrôđôm Sihanúc hoảng sợ trước phong trào cách mạng đang dâng lên ở Việt Nam và Lào vội liên lạc với Pháp sau khi Pháp từ Sài Gòn, tuyên bố tạm thời khôi phục hiệp ước đã ký năm 1863 và 1884 để giữ được ngôi vua.

Tình hình ở Việt Nam có phần phức tạp hơn. Nghị quyết của các cường quốc cho phép quân Anh vào miền Nam, quân Tưởng vào miền Bắc để tước vũ khí quân Nhật. Anh muốn giúp Pháp lại Đông Dương, ban đầu không được Mỹ hưởng ứng vì Mỹ muốn lên chân vào dưới danh nghĩa "độc lập tự trị quốc tế" (3). Nhưng từ sau hội nghị Yanta, Mỹ bỏ rơi vấn đề Đông Dương, để ngỏ cửa cho Anh và Pháp rộng tay hoạt động. Vấn đề Pháp trở lại thống trị là một mối nguy thực tế. Quân Tưởng cũng lập phương án "Hoa quân nhập Việt" kèm theo âm mưu thâm độc thiết lập quyền kiểm soát miền bắc ví tuyến 16. Theo chân Pháp là bọn bù nhìn Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Văn Thinh; sau lưng Tưởng là bọn tay sai Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh. Trong tình hình rắc rối ấy, đối sách của Đảng ta rất rõ ràng. Một mặt tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của Đồng Minh nhưng mặt khác, cần hơn là xây dựng lực lượng cách mạng, tự giải quyết công việc của mình bằng chính sức mạnh của nhân dân. Hội nghị Liễu Châu (3-1944), đồng chí Hồ Chí Minh đã dặn dò: "Không nên có ảo tưởng vào Tưởng Giới Thạch, nhưng phải lấy Trung Quốc làm cái cầu để tranh thủ các nước Đồng Minh" (4). Trên báo chí cách mạng, Đảng luôn luôn nhấn mạnh nhân dân ta phải "đóng vai trò chủ động trong việc đuổi Nhật ra khỏi nước ta, không được ỷ lại vào Đồng Minh" (5). Với nhận định dứt khoát như vậy, ngay khi Nhật đầu hàng, thời cơ đến, Đảng kịp thời phát lệnh tổng khởi nghĩa trong nước. Ngày 5-9 quân Anh vào Sài Gòn đem theo một số đơn vị lính Pháp. Nhưng khi đó, nước Việt Nam đã có chủ. Người chủ đó là nhân dân Việt Nam vừa giành được độc lập, là Nhà nước Việt Nam vừa thành lập, là chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm chủ tịch

Thời cơ đó, ngàn năm có một.

5. Kết quả cuối cùng là vào mùa thu năm 1945, Cách mạng tháng Tám đã thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, nhà nước công nông đầu tiên được thành lập ở Đông Nam Á. Đây là một đỉnh cao cách mạng trong khu vực Đông Nam Á, trong phong trào giải phóng dân tộc thế giới. Cách mạng tháng Tám đã chọn đúng thời cơ, nắm bắt đúng thời cơ và tận dụng những thuận lợi của thời cơ. Chỉ trong vòng 20 ngày (15-8 đến 5-9), cách mạng Việt Nam đã có một bước ngoặt quyết định, cuộc tổng khởi nghĩa diễn ra rất nhanh, rất mạnh và rất gọn. Sớm hơn thời gian đó, khi quân Nhật chưa đầu hàng hoặc muộn hơn thời gian đó, khi quân Anh đã vào Đông Dương thì tình hình diễn biến phức tạp khôn lường.

Cội nguồn tạo nên sự khác biệt và nổi bật của Cách mạng tháng Tám trong sự so sánh với các cuộc cách mạng trong khu vực và trên thế giới, chính là vai trò lãnh đạo độc tôn của Đảng Cộng sản trong

giải phóng dân tộc. Ở nhiều nước, Đảng cộng sản có vai trò to lớn nhưng không giành được lãnh đạo tuyệt đối phong trào đấu tranh của nhân dân. Họ không thể giành được chính quyền một sức mạnh cùng quần chúng thúc đẩy giai cấp tư sản tuyên bố độc lập (Indonêxia). Hoặc ứ đọng để khắc phục tính dao động và ảo tưởng của giai cấp tư sản cũng như đấu tranh chống tư tưởng nơ rô trong chính những người cộng sản (Mã Lai, Miến Điện). Hoặc không đủ lực chuẩn bị nổi dậy khi thời cơ đến (Philípín, Thái Lan). Còn ở Việt Nam, ngoài Đảng cộng sản, ng phái khác tự xưng là "quốc gia" thì yếu về lực lượng, hèn về ý chí, không có chính nghĩa, thực cách mạng nên không có uy tín trong dân, không có cơ sở trong nước. Những người đó lãnh tay sai của Nhật như Đại Việt, Phục Quốc, hoặc trở thành cái đuôi của Tưởng như Việt Việt Cách và sau này, cả bọn lại theo Pháp, theo Mỹ.

ính ở cương vị lãnh đạo độc tôn ấy mà Đảng cộng sản đã đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp mọi ỹng yêu nước, dẫn dắt nhân dân đấu tranh theo đường lối đúng và phương pháp đúng. Đó là vật chất tạo nên thực lực của cách mạng, tạo nên sức mạnh vô địch giành thắng lợi trong giờ uyết định.

ính vì thế, thời cơ tháng Tám không phải là một cơ may.

CHÚ THÍCH

Hồ Chí Minh : " Tuyên ngôn độc lập". Toàn tập. Tập 4; NXB Sự thật; Hà nội 1984; trang 3.

theo Philippe Devillers : "Việt Nam" trong cuốn "L'histoire du XX è siècle l'Asie du sud-est" 11; NXB SIREY; Paris 1971; tr.805.

Theo Pitor A. Pulo : "Nước Mỹ và Đông Dương từ Rudorven đến Níchxom" NXB Thông tin lý ận; Hà nội 1986; trang 25-26.

Theo Lê Tùng Sơn : "Nhật ký một chặng đường". NXB Văn học; Hà nội 1987; tr.126.

Trường Chinh : "Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam" Tập I; NXB Sự thật; Hà 1975 trang 315